

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 2046/QĐ-PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành thể lệ quản lý cảng, bến thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Nghị định số 40/CP ngày 5 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Xét đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục đường sông Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Thể lệ quản lý cảng, bến thủy nội địa".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 9 năm 1996 và thay thế quyết định số 672 QĐ/VT ngày 27 tháng 4 năm 1992 của Bộ GTVT và Bưu điện ban hành "Quy chế quản lý cảng, bến sông".

Điều 3. Giao cho ông Cục trưởng Cục đường sông Việt Nam tổ chức, hướng dẫn thực hiện quyết định này.

Điều 4. Ông Chánh văn phòng Bộ, thủ trưởng các Vụ, Ban tham mưu của Bộ; Cục trưởng Cục đường sông Việt Nam; Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở giao thông vận tải, Sở giao thông công chính; Các tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến thủy nội địa; quản lý, sử dụng phương tiện thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỂ LỆ

QUẢN LÝ CẢNG, BẾN THUỶ NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo quyết định số 2046 ngày 6 tháng 8 năm 1996)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bản thể lệ này quy định việc quản lý cảng, bến thủy nội địa và hoạt động của phương tiện thủy nhằm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông vận tải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Thể lệ này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài kinh doanh, khai thác cảng, bến thủy nội địa, kể cả cảng, bến chuyên dùng; các phương tiện thủy trong nước và nước ngoài hoạt động tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Thể lệ này không áp dụng đối với cảng biển và cảng bến thủy nội địa chuyên dùng của lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

Điều 3. Cảng, bến thủy nội địa là cảng, bến thủy trên sông, kênh, rạch, hồ, ven vịnh và trên các đảo thuộc nội thủy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được mở ra để phục vụ chủ yếu cho phương tiện thủy nội địa vào, ra hoạt động, xếp dỡ hàng hoá hoặc đón trả hành khách.

Điều 4. Cảng, bến thủy nội địa chỉ được phép hoạt động sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố mở cảng, bến thủy nội địa.

Điều 5. Mọi hành vi vi phạm quy định của Thể lệ này đều phải xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6.

1. Cảng vụ thủy nội địa là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông vận tải thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa.
2. Cảng vụ thủy nội địa hoạt động theo chế độ dự toán thu, chi do Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải duyệt theo các quy định hiện hành, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, có con dấu riêng.
3. Cảng vụ thủy nội địa có đại diện cảng vụ tại cảng, bến thủy nội địa theo quy định.
4. Giám đốc cảng vụ thủy nội địa có trách nhiệm tổ chức thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành giao thông vận tải thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa, là người đứng đầu cơ quan cảng vụ tổ chức điều hành cơ quan cảng vụ theo chế độ thủ trưởng.

Điều 7. Cơ quan có thẩm quyền công bố mở, đóng cảng, bến thủy nội địa và công bố vùng nước của cảng, bến thủy nội địa (sau đây gọi tắt là cơ quan thẩm quyền) được ghi cụ thể dưới đây:

1. Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải công bố mở, đóng cảng, bến thủy nội địa cho phương tiện thủy nước ngoài vào, ra hoạt động.
- 2.- Cục trưởng Cục đường sông Việt Nam công bố mở, đóng cảng, bến thủy nội địa cho tàu biển Việt Nam và phương tiện thủy nội địa vào, ra, hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa Trung ương và các tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng.
3. Giám đốc Sở giao thông vận tải hoặc Sở giao thông công chính công bố mở, đóng cảng, bến thủy nội địa cho các phương tiện thủy nội địa vào, ra, hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

Điều 8. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng, bến thủy nội địa có quy định riêng.

Điều 9. Trong Thể lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bến thủy nội địa là công trình xây dựng thuộc loại bán kiên cố, lợi dụng địa hình tự nhiên, có đủ điều kiện an toàn cho phương tiện thủy vào, ra, neo đậu, cập bến để xếp dỡ hàng hoá, đón trả hành khách.
2. Cảng thủy nội địa là công trình cầu tàu xây dựng kiên cố, thiết bị, phương tiện xếp dỡ cơ giới, có kho bãi, khu hành chính, nhà chờ phục vụ hành khách, đủ điều kiện an toàn cho phương tiện thủy vào, ra, neo đậu, cập cầu để xếp dỡ hàng hoá, đón trả hành khách.
3. Vùng đất của cảng, bến thủy nội địa bao gồm: cầu tàu, bến, bãi, nhà kho, nhà xưởng, khu hành chính và dịch vụ.
4. Vùng nước cảng, bến thủy nội địa bao gồm: vùng nước trước cầu cảng, bến, vùng neo đậu và tuyến luồng từ vùng nước trước cảng, bến đến luồng chạy tàu thuyền (nếu có).
5. Cảng, bến chuyên dùng là cảng bến xếp, dỡ hàng hoá, vật tư phục vụ dây chuyền sản xuất, không có chức năng, kinh doanh xếp dỡ hàng hoá, đón trả hành khách.
6. Phương tiện thủy bao gồm: phương tiện thủy nội địa, tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VIỆC MỞ, ĐÓNG VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNG, BẾN THUỶ NỘI ĐỊA.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài muốn mở cảng, bến thủy nội địa phải được cơ quan có thẩm quyền về giao thông vận tải cho phép. Trình tự thủ tục mở cảng, bến thủy nội địa phải thực hiện theo đúng quy định của Thể lệ này.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động kinh doanh khai thác cảng, bến thủy nội địa phải có đủ các điều kiện sau:

1. Được thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Giám đốc cảng thủy nội địa, chủ bến thủy nội địa và các cán bộ điều hành chủ chốt của cảng, bến thủy nội địa phải có bằng chuyên môn về vận tải thủy từ trung cấp trở lên. Trường hợp đặc biệt do cơ quan thẩm quyền quyết định.

Điều 12.

1. Thủ tục xin mở cảng thủy nội địa:

a) Tổ chức, cá nhân muốn mở cảng (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) có tờ trình kèm dự án khả thi gửi đến cơ quan thẩm quyền. Căn cứ nhu cầu phát triển hệ thống cảng thủy nội địa của Ngành giao thông vận tải, cơ quan thẩm quyền trả lời chủ đầu tư bằng văn bản.

b) Nếu được chấp nhận, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật.

c) Sau khi xây dựng xong, chủ đầu tư nộp cơ quan thẩm quyền một bộ hồ sơ gồm:

Hồ sơ hoàn công;

Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình;

Các giấy tờ khác của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét và quyết định công bố.

Điều 13.

1. Thủ tục mở bến thủy nội địa (trừ bến đò có quy định riêng).

a) Chủ bến gửi đơn xin mở bến thủy nội địa đến cơ quan thẩm quyền.

Căn cứ nhu cầu phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa, cơ quan thẩm quyền xem xét giải quyết

b) Nếu được chấp nhận, chủ bến tiến hành các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

c) Sau khi xây dựng xong, chủ bến trình nộp cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ sau đây:

Biên bản nghiệm thu và bàn giao bến;

Các giấy tờ khác của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1, cơ quan có thẩm quyền mở bến, xem xét và quyết định công bố.

Điều 14. Việc mở rộng, nâng cấp cảng, bến thủy nội địa cũng phải thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thẻ lệ này.

Điều 15. Trường hợp phân chia, sáp nhập, giải thể hoặc chuyển quyền sở hữu cảng, bến thủy nội địa, ít nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật, chủ cảng, bến phải báo cáo cơ quan thẩm quyền để xóa tên trong danh bạ cảng, bến thủy nội địa và công bố lại.

Điều 16. Trong quá trình khai thác, nếu xét thấy cảng hoặc bến thủy nội địa không đảm bảo an toàn xếp dỡ hàng hoá, đón trả hành khách thì cơ quan thẩm quyền quyết định đình chỉ tạm thời hoặc vĩnh viễn đối với cảng, bến đó.

Điều 17.

1. Cục đường sông Việt Nam quy định việc in ấn, phát hành mẫu danh bạ cảng, bến thủy nội địa để áp dụng thống nhất trong cả nước. Lập danh bạ cảng, bến thủy nội địa do Bộ giao thông vận tải và Cục đường sông Việt Nam công bố; tổng hợp, theo dõi cảng, bến thủy nội địa do Sở giao thông vận tải hoặc Sở giao thông công chính công bố.

2. Sở giao thông vận tải, Sở giao thông công chính lập danh bạ cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý của mình và định kỳ báo cáo hoạt động các cảng, bến đó về Cục đường sông Việt Nam.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CẢNG VỤ THUỶ NỘI ĐỊA

Điều 18. Cảng vụ thủy nội địa có các nhiệm vụ sau đây:

1. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát, đối với mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực trách nhiệm nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

2. Quy định nơi neo đậu cho phương tiện thủy;

3. Kiểm tra và làm thủ tục ra, vào cảng, bến thủy nội địa cho phương tiện thủy;

4. Kiểm tra an toàn cầu bến, luồng lạch, phao tiêu báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong khu vực trách nhiệm, thông báo cho các cơ quan có trách nhiệm xử lý kịp thời;

5. Tổ chức tìm kiếm, cứu nạn người, hàng hoá, phương tiện thủy trong khu vực trách nhiệm;

6. Giám sát việc khai thác, sử dụng của cảng, bến thủy nội địa để bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thông báo tình hình luồng lạch cho phương tiện vào, ra cảng bến thủy nội địa trong từng thời gian quy định.

8. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động của cảng vụ thủy nội địa với cơ quan quản lý cấp trên.

9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp; thực hiện đúng chế độ tài chính, kế toán và lập kế hoạch tài chính hàng năm báo cáo cấp trên theo quy định.

Điều 19. Cảng vụ thủy nội địa có cá quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra các giấy chứng nhận của phương tiện thủy và bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên;
2. Tạm giữ giấy tờ của phương tiện do không đảm bảo điều kiện an toàn hoạt động hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ, tiền phạt (nếu có);
3. Tạm giữ phương tiện thủy theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc thực hiện quyền hạn này của cảng vụ thủy nội địa phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và phải kịp thời báo cáo lên cấp trên quản lý trực tiếp.
4. Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến để tham gia cứu người, phương tiện, hàng hoá trong trường hợp khẩn cấp và xử lý sự cố ô nhiễm môi trường.
5. Lập biên bản, tham gia kết luận nguyên nhân các vụ tai nạn, sự cố xảy ra trong khu vực trách nhiệm, yêu cầu các bên có liên quan khắc phục hậu quả tai nạn theo thời hạn nhất định.
6. Yêu cầu giám đốc cảng, bến thủy nội địa tạm ngừng khai thác cầu, bến khi xét thấy có ảnh hưởng tới an toàn người, phương tiện hoặc công trình và phải báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp của cảng vụ thủy nội địa.
7. Thu các khoản phí, lệ phí và các khoản tiền khác theo quy định.

Điều 20.

1. Đơn vị đảm bảo giao thông đường thủy nội địa thường xuyên thông báo giám đốc cảng vụ về các thông số kỹ thuật luồng lạch và các diễn biến trên luồng chạy tàu, thuyền.
2. Giám đốc hoặc người phụ trách cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với giám đốc cảng vụ thủy nội địa về các mặt:
An toàn cầu bến;
Giữ vệ sinh và bảo vệ môi trường;
Thông báo kịp thời cho giám đốc cảng vụ thủy nội địa về thời gian, vị trí các phương tiện thủy vào, ra cầu, bến;
Tổ chức cứu nạn khi có sự cố tai nạn xảy ra trong vùng nước của cảng, bến thủy nội địa;
3. Cảng vụ thủy nội địa phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để giám sát, kiểm tra, xử lý việc chấp hành pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG IV

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY TẠI VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 21. Mọi phương tiện thủy vào, ra, hoạt động trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa phải được phép của giám đốc cảng vụ thủy nội địa và phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

Điều 22.

1. Khi làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa, thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa trình, nộp cho giám đốc cảng vụ:
a) Các giấy tờ phải nộp:
Giấy phép rời cảng cuối cùng;
Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật;
Giấy phép vận tải (nếu là phương tiện kinh doanh vận tải);
Danh bạ thuyền viên;
b) Các giấy tờ phải xuất trình:
Giấy chứng nhận đăng ký;
Bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định;
Giấy tờ liên quan đến hàng hoá hoặc hành khách.
2. Cơ quan cảng vụ phải trả lại các giấy tờ quy định tại điểm a, khoản 1 khi phương tiện làm thủ tục rời cảng, bến.